**GIÁO TRÌNH LARAVEL - BUỔI 17**

**SESSION**

1. **Session trong Laravel là gì ?**

*Trong Laravel, Session là một lớp mà trong đó có rất nhiều các phương thức được xây dựng sẵn, giúp chúng ta thao tác với Session như: khởi tạo Session, xóa Session, kiểm tra Session,… một cách linh hoạt và dễ dàng mà không cần thông qua các hàm thao tác gốc với Session bằng PHP*

1. **Các phương thức của Session**

Cú pháp tổng quát:

|  |
| --- |
| Session()-> phương\_thức(…………….);  Hoặc Session:: phương thức(…………); //muốn sử dụng khai báo use Session; |

a. Khởi tạo Session với Phương thức put()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->put('sessionName ', 'sessionValue '); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->put('course ', 'Laravel '); //tạo session tên là course với giá trị laravel |

b. Truy vấn tất cả Session với Phương thức all()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->all(); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->all(); |

c . Khởi tạo Session bằng phương thức flash()

*Flash Session là 1 dạng session mà cái thời gian sống của nó rất thấp, phù hợp cho những status message. Session này nó chỉ available cho request tiếp theo sau đó biến mất.*

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->flash('sessionName', 'sessionValue'); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->flash('teacher', 'Tuan Hoang'); |

d. Lấy giá trị của Session với Phương thức get()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->get('sessionName'); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->get('course'); |

Và ở để access vào được data đó, ta sẽ dùng hàm session như sau:

{{ session('key') }}

e. Kiểm tra sự tồn tại của một Session với Phương thức has()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->has('sessionName') |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| if(Session()->has('course')){  return 'Session tồn tại';  }  else{  return 'Session có tên course không tồn tại';  } |

f. Xóa bỏ một đối tượng Session với Phương thức forget()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->forget('name\_session'); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->forget('course');  if(Session()->has('course')){  return 'Session course exist';  }  else{  return 'Session course not exist';  } |

g. Xóa bỏ tất cả Session với Phương thức flush()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->flush(); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->put('course', 'Laravel');  Session()->put('time', '3 month');  Session()->flush('course');  dd(Session()->all()); |

h. Khởi tạo Session ID với Phương thức regenerate()

Cú pháp:

|  |
| --- |
| Session()->regenerate(); |

Ví dụ:

|  |
| --- |
| Session()->regenerate(); |